

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG
THÔN

Số: 516/QĐ-BNN-KHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 2 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC BAN HÀNH QUY TRÌNH THIẾT KẾ TRỒNG RỪNG

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 73/CP ngày 1 tháng 11 năm 1995 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và CLSP, Cục trưởng Cục Phát triển Lâm nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này bản “Quy trình thiết kế trồng rừng”.

Điều 2. Quy trình thiết kế trồng rừng trên được áp dụng cho các đơn vị sản xuất kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế có tiến hành trồng rừng bằng vốn ngân sách và vốn vay ưu đãi.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các Cục, Vụ, Viện trực thuộc Bộ và Giám đốc các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP

VÀ PTNT

THỨ TRƯỞNG

(Đã Ký)

Nguyễn Văn Đăng

TIÊU CHUẨN NGÀNH 04-TCN-46-2001

(Ban hành kèm theo QĐ 516-BNN-KHCN, ngày 18-02-02)

QUY TRÌNH THIẾT KẾ TRỒNG RỪNG

Chương 1.

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Mục tiêu, nội dung và phương pháp thiết kế trồng rừng

Quy trình này quy định những nguyên tắc cơ bản về nội dung và phương pháp thiết kế trồng rừng cho cơ sở sản xuất, cá nhân từ khâu chuẩn bị thu thập tài liệu, khảo sát các yếu tố tự nhiên, sản xuất có liên quan đến công tác thiết kế, phân chia lô, khoảnh, xây dựng bản đồ thiết kế đến dự toán chi phí trồng rừng từ khi trồng cho tới khi rừng khép tán.

Quy trình là cơ sở pháp lý để tổ chức thực hiện, kiểm tra và đánh giá thiết kế trồng rừng.

Điều 2. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Quy trình này áp dụng trên phạm vi cả nước, cho tất cả các đơn vị sản xuất, cá nhân sử dụng vốn ngân sách, vốn vay ưu đãi và ở những nơi đã có quy hoạch, nơi chưa có quy hoạch trước khi thiết kế phải tiến hành quy hoạch.

Chương 2.

NỘI DUNG THIẾT KẾ TRỒNG RỪNG VÀ PHƯƠNG PHÁP TIẾN HÀNH

MỤC 1. CÔNG TÁC CHUẨN BỊ

Điều 3. Thu thập tài liệu

1. Phải thu thập bản đồ địa hình có tỉ lệ tối thiểu là 1/25.000 của Cục đo đạc và bản đồ hoặc 1/50.000 của UTM làm gốc.

2. Thu thập tài liệu, văn bản có liên quan đến công tác thiết kế

Điều 4. Nội dung chuẩn bị

Khảo sát hiện trường

Chuẩn bị vật tư, kinh phí.

Nắm bắt yêu cầu bên A.

Quyết định có liên quan (đơn giá vật tư, lao động ...).

Dự kiến kế hoạch tiến hành.

MỤC 2. CÔNG TÁC NGOẠI NGHIỆP

Điều 5. Kiểm tra độ chính xác của bản đồ địa hình thiết kế.

a. Bản đồ địa hình sử dụng trong thiết kế trồng rừng có tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000 là bản đồ gốc hoặc được phóng từ bản đồ địa hình 1/25.000 của Cục đo đạc và bản đồ hoặc 1/50.000 của UTM.

b. Ra thực địa kiểm tra độ chính xác của bản đồ địa hình thiết kế bằng dụng cụ đo đạc giản đơn (địa bàn cầm tay, thước dây) hoặc địa bàn ba chân, sai số cho phép đo chiều dài bằng địa bàn cầm tay là 1/20, bằng địa bàn 3 chân là 1/100 – 1/200.

Điều 6. Đơn vị thiết kế

a. Lô: Lô là đơn vị cơ bản của thiết kế trồng rừng được phân chia từ khoảnh có điều kiện tự nhiên tương đối đồng nhất (Loại đất, loại thực bì, loại địa hình) và áp dụng một biện pháp kinh doanh, lô có diện tích nhỏ nhất là 0,5 ha, lớn nhất không quá 5 ha. Thứ tự lô được ghi bằng chữ cái Việt Nam trong phạm vi từng khoảnh.

b. Khoảnh: Khoảnh là đơn vị thống kê tổng hợp, tạo điều kiện thuận lợi xác định vị trí trên thực địa, phân chia khoảnh dựa vào địa hình để nhận biết và bền vững để phân chia, khoảnh có diện tích nhỏ nhất là 50 ha, lớn nhất không quá 150 ha, được đánh số bằng chữ cổ Ả Rập trong phạm vi từ tiểu khu.

c. Tiểu khu là đơn vị cơ bản để quản lý tài nguyên rừng và đất rừng, tiểu khu có diện tích trung bình 1000 ha được đánh số bằng chữ số Ả Rập từ tiểu khu số 1 đến tiểu khu cuối cùng trong phạm vi toàn tỉnh.

Điều 7. Phân chia lô xác định ranh giới, diện tích lô, đóng mốc.

a. Phân chia lô, xác định ranh giới lô

Trước tiên dựa vào địa hình, dự kiến phân chia lô trên bản đồ địa hình (1/5.000 hoặc 1/10.000), sau đó ra thực địa bằng phương pháp đo đạc đơn giản xác định ranh giới lô, phát đường ranh và cắm mốc sao cho từng đường ranh giới lô và cọc mốc trên bản đồ trùng khớp với trên thực địa.

Mốc lô dùng cọc gỗ có kích thước 6 x 6 x 50cm, trên cọc mốc ghi rõ tên lô bằng sơn đỏ. Mốc lô phải đóng ở đầu các đường ranh giới lô và chỗ giáp ranh với các lô,

khoảnh khác. Nơi có tảng đá tự nhiên, gốc cây to, co thể lợi dụng làm cọc mốc. Trường hợp đường ranh giới lô là đường thẳng kéo dài thì cứ cách 40-60 m cắm 1 cọc mốc ở nơi dễ nhận biết.

b. Xác định diện tích lô

Xác định diện tích lô trên bản đồ:

Tính diện tích lô trên bản đồ bằng giấy kẻ li ô vuông hoặc dùng cầu tích có định cực, máy tính diện tích trên bản đồ scanner.

c. Kiểm tra diện tích lô:

Dùng phương pháp chọn ngẫu nhiên 5% số lô hoặc 10% diện tích, ra thực địa, dùng địa bàn ba chân và mia đo vẽ lại bản đồ và tính lại diện tích, nếu sai số về diện tích giữa thiết kế và diện tích kiểm tra dưới 5% thì chấp nhận kết quả thiết kế.

Điều 8. Khảo sát các yếu tố tự nhiên, sản xuất nơi thiết kế

Sử dụng phương pháp điều tra mô tả đồng ruộng, kết hợp mục trắc và dụng cụ đơn giản (địa bàn cầm tay, thước dây, giao thổ nhưỡng, cuốc xẻng v.v...) để khảo sát các yếu tố tự nhiên, sản xuất cho từng lô, theo các nội dung như phụ biểu 1.

Điều 9. Hoàn chỉnh tài liệu ngoại nghiệp

Hoàn chỉnh, kiểm tra các tài liệu ngoại nghiệp, tài liệu khảo sát các yếu tố tự nhiên, phân chia lô, ranh giới, diện tích, dự kiến biện pháp kỹ thuật trồng rừng, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, bản đồ thiết kế.

MỤC 3. CÔNG TÁC NỘI NGHIỆP

Điều 10. Xác định biện pháp kỹ thuật trồng rừng

Dựa vào điều kiện tự nhiên đã khảo sát (loại đất, loại thực bì, dạng địa hình), đặc điểm sinh thái của loại cây trồng, mục đích kinh doanh để chọn loại cây trồng và xác định biện pháp kỹ thuật trồng rừng, chăm sóc bảo vệ cho từng công thức theo biểu 2, 3.

Điều 11. Xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật.

Dựa vào các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của Nhà nước, của địa phương và thực tế của đơn vị sản xuất, đơn vị thiết kế cùng đơn vị sản xuất, xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật.

Điều 12. Tính toán nội nghiệp, hoàn thành thành quả thiết kế.

Tính toán chi phí 1 ha cho từng công thức trồng rừng, chi phí trồng rừng, chăm sóc, bảo vệ theo biểu 4a; 4b; 5a; 5b.

Tổng hợp diện tích trồng rừng, chăm sóc rừng trồng theo địa danh và theo công thức (Biểu 6; 7).

Tổng hợp dự toán trồng rừng, chăm sóc rừng trồng theo biểu 8.

Cuối cùng hoàn chỉnh bản đồ thiết kế, viết bản thuyết minh, và 1 bộ hồ sơ lô gồm 8 biểu.

Nội dung bản thuyết minh bao gồm: lời nói đầu.

I. Điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội nơi thiết kế

II. Các giải pháp kỹ thuật.

III. Khối lượng công trình theo từng công thức quy định

IV. Kinh phí đầu tư

V. Kết luận, kiến nghị.

Nội dung bản đồ thiết kế phải thể hiện:

- Đường bình độ, đỉnh núi cao, sông suối, đường giao thông, làng bản.

- Đường ranh giới lô, khoảnh, tiểu khu, các loại cọc mốc (lô, khoảnh tiểu khu, biên báo, bảng quy ước bảo vệ rừng).



- Công thức kỹ thuật trồng rừng ghi theo kí hiệu:

A: Là công thức kỹ thuật (A. B. C)

I: là số thứ tự khoảnh (1, 2, 3, 4)

a: Là số thứ tự lô (a, b, c ...)

S: Là diện tích lô.

X: là cây trồng (Viết tắt loài cây trồng, ví dụ: BD là Bạch đàn, KLT là Keo lá tràm ...).

N: là năm trồng.

- Bên phải, phía dưới tấm bản đồ kẻ 4 ô (mỗi ô cao 8cm, rộng 7cm, từ trái sang phải:

ô₁ ghi đơn vị thiết kế, ô₂ ghi chủ dự án, ô₃ cấp thẩm định, ô₄ cấp phê duyệt có ký tên